

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày

tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2023, tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn vốn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Tiếp theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tỉnh Điện Biên; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về việc thông qua kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt, thông qua Kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2023, tỉnh Điện Biên; số 146/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 phân bổ vốn bổ sung thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 10 năm 2023, Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS, ngày tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Điện Biên, gồm những nội dung như sau:

I. Điều chỉnh tổng nguồn

1. Tổng nguồn vốn đã giao là: 19.718, 147 tỷ đồng, bao gồm:

(1) *Vốn ngân sách địa phương:* 7.107,795 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách địa phương 3.734,700 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 3.203,995 tỷ đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết 168 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 1.100 tỷ đồng.

(2) *Vốn ngân sách trung ương:* 7.788,955 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn trong nước 6.975,720 tỷ đồng (bao gồm cả Chương trình phục hồi PTKTXH).

- Vốn nước ngoài (ODA) 813,235 tỷ đồng.

(3) *Vốn Chương trình MTQG:* 4.821,397 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.550,925 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1.606,004 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 664,468 tỷ đồng.

2. Tổng nguồn vốn giao bổ sung là: 572,676 tỷ đồng, bao gồm:

(2) *Vốn ngân sách trung ương:* 572,676 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn trong nước 60 tỷ đồng (Chương trình phục hồi PTKTXH).

- Vốn nước ngoài (ODA) 512,676 tỷ đồng.

3. Tổng nguồn vốn sau bổ sung là: 20.290,823 tỷ đồng.

(1) *Vốn ngân sách địa phương:* 7.107,795 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách địa phương 3.734,700 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 3.203,995 tỷ đồng.

- Vốn xổ số kiến thiết 168 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 1.100 tỷ đồng.

(2) *Vốn ngân sách trung ương:* 8.361,631 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn trong nước 7.035,720 tỷ đồng (bao gồm cả Chương trình phục hồi PTKTXH 246 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA) 1.325,911 tỷ đồng.

(3) *Vốn Chương trình MTQG:* 4.821,397 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.550,925 tỷ đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1.606,004 tỷ đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 664,468 tỷ đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

II. Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

- Phân bổ chi tiết 500 triệu đồng cho từ phần vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ để thực hiện chuẩn bị đầu tư 01 dự án (Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên);

- Điều chỉnh giảm 24.000 triệu đồng của dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia để điều chỉnh tăng 9.500 triệu đồng cho dự án xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân, tăng 14.500 triệu đồng cho dự án Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên.

- Điều chỉnh giảm 5.000 triệu đồng của dự án Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ Nậm Pồ, để tăng tương ứng cho Dự án Khu dân cư cụm III trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (5.000 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm 42.868 triệu đồng vốn NSDP của 8 dự án, đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng 42.868 triệu đồng vốn NSDP để bổ sung lồng ghép nguồn vốn cho 3 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(Chi tiết như Biểu số 2 kèm theo)

III. Thông qua điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Điều chỉnh giảm 42.868 triệu đồng vốn NSTW của 3 dự án, đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng 42.868 triệu đồng vốn NSTW để bổ sung vốn cho 8 dự án khác thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(Chi tiết như Biểu số 3 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

Điều chỉnh giảm 25.797 triệu đồng vốn của 14 dự án, đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng cho 12 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 4 kèm theo)

2. Điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn dự phòng NSDP 10% năm 2023

Điều chỉnh giảm 15.000 triệu đồng của Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên để tăng 10.000 triệu đồng cho dự án Sửa chữa Sân vận động tỉnh Điện Biên và 5.000 triệu đồng cho

các dự án khác trong kế hoạch năm 2023.

(Chi tiết như Biểu số 4 kèm theo)

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Bổ sung 29 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Chương trình.

- Điều chỉnh giảm 56.623 triệu đồng của 19 dự án thuộc chương trình không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2023 đã giao, đồng thời, điều chỉnh tăng tương ứng 56.623 triệu đồng cho 29 dự án được bổ sung vào danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023 của chương trình.

(Chi tiết như Biểu số 5 kèm theo)

4. Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

4.1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 đã giao (vốn trong nước)

- Bổ sung 17 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã hoàn thành thủ tục đầu tư vào danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Chương trình.

- Điều chỉnh giảm 14.770 triệu đồng của 04 dự án thuộc chương trình không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2023 đã giao, đồng thời, điều chỉnh tăng tương ứng 14.770 triệu đồng cho 17 dự án được bổ sung vào danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2023 của chương trình.

4.2. Thông qua phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 được giao bổ sung theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ (vốn nước ngoài)

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 phân bổ là **79.934 triệu đồng**. Trong đó:

+ Phân bổ chi tiết **63.373** triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 cho 24 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã hoàn thiện thủ tục đầu tư (đã có quyết định đầu tư) của Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Số vốn còn lại **16.561** triệu đồng dự kiến sẽ phân chi tiết cho 16 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

(Chi tiết như Biểu số 6B kèm theo)

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 cho các dự án thuộc danh mục dự kiến phân bổ vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua khi các dự án hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh,
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 1 ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND tỉnh)					
		Đơn vị tính: Triệu đồng			
STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao (theo NQ số 141/NQ-HĐND ngày 14/7/2023)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung	Ghi chú
	TỔNG SỐ	19.718.147	572.676	20.290.823	
I	Vốn ngân sách địa phương	7.107.795		7.107.795	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:	3.734.700		3.734.700	
1.1	Phân bổ chi tiết 90% (trong đó: Dành 30% bổ sung NS cấp huyện quản lý; 70% thuộc NS cấp tỉnh quản lý)	3.361.230		3.361.230	
1.2	Dự phòng 10%	373.470		373.470	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.203.995		3.203.995	
1	Thu từ đầu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh theo NQ 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	3.149.545		3.149.545	
2	Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016	54.450		54.450	
	Trong đó:			0	

2.1	Chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh trong CDNSDP	27.225		27.225	
2.2	Chi cấp bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất	27.225		27.225	
2.3	Chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định khác	0		0	
3	Vốn xổ số kiến thiết	168.000		168.000	
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.100		1.100	
II	Vốn Ngân sách trung ương	7.788.955	572.676	8.361.631	Bổ sung NSTW theo Quyết định 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023
1	Vốn trong nước	6.975.720	60.000	7.035.720	Trong đó Chương trình phục hồi PTKTXH 246 tỷ đồng
2	Vốn nước ngoài	813.235	512.676	1.325.911	
III	Vốn Chương trình MTQG	4.821.397		4.821.397	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.550.925		2.550.925	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.606.004		1.606.004	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	664.468		664.468	

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao				Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
							Thu hồi các khoản ứng lương trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản ứng lương trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		3.009.248	689.655	902.492	231.658			72.368	72.368	902.492	196.058			
A	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP		3.009.248	689.655	902.492	231.658			72.368	72.368	902.492	196.058			
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		3.009.248	689.655	902.492	231.658			72.368	72.368	902.492	196.058			
III.1	Đối ứng dự án ODA		1.199.000	180.000	152.190	152.190				24.000	128.190	128.190			
I	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	152.190	152.190				24.000	128.190	128.190			Điều chỉnh để ưu tiên đầu tư dự án cấp thiết lĩnh vực quốc phòng, giáo dục đào tạo (Trường Chính trị tỉnh)
III.5	Dự án phân theo ngành/lĩnh vực		1.810.248	509.655	750.302	79.468			72.368	48.368	774.302	67.868			
(1)	Ngành/lĩnh: Quốc phòng		10.500	10.500	500	500			9.500		10.000	10.000			
I	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	646/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	10.500	10.500	500	500			9.500		10.000	10.000			Dự án cấp thiết cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện
(3)	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		264.958	113.635	201.026	42.868			57.868	42.868	216.026	57.868			
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		214.958	98.635	201.026	42.868			42.868	42.868	201.026	42.868			Các dự án lồng ghép chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
	Dự án đã có trong danh mục lồng ghép vốn cân đối NSDP		90.658	55.767	77.759	42.868				42.868	77.759				
I	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Pá Khoang xã Pá Khoang	Quyết định số 3390/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.600	3.867	9.520	3.787				3.787	9.520				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao				Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
2	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Pá Khoang	Quyết định số 3389/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	14.900	10.900	8.868	4.868				4.868	8.868				
3	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS xã Nà Tấu	Quyết định số 3206/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	14.900	9.742	8.783	3.625				3.625	8.783				
4	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Nà Nhan xã Nà Nhan	Quyết định số 3204/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	11.000	7.000	10.706	6.706				6.706	10.706				
5	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Nà Nhan xã Nà Nhan	Quyết định số 3391/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.000	5.000	8.735	4.735				4.735	8.735				
6	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Tà Càng xã Nà Tấu	Quyết định số 3203/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	10.600	6.600	10.582	6.582				6.582	10.582				
7	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng	Quyết định số 3207/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	8.658	4.658	8.642	4.642				4.642	8.642				
8	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Mường Phăng xã Mường Phăng	Quyết định số 3205/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	12.000	8.000	11.923	7.923				7.923	11.923				
	Dự án bổ sung vào danh mục lồng ghép vốn NSDP		124.300	42.868	123.267				42.868		123.267	42.868			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	26.868	80.000						80.000	26.868			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chà.	Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	19.300	1.000	18.267				1.000		18.267	1.000			
3	Trường PTDT bán trú tiểu học số 1 xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	25.000	15.000	25.000				15.000		25.000	15.000			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030		50.000	15.000					15.000		15.000	15.000			
I	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên		50.000	15.000					15.000		15.000	15.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao			Điều chỉnh vốn NSDP		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		1.534.790	385.520	548.276	35.600		5.000	5.000	548.276			
(10.1)	'Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1.480.000	340.720	512.676					512.676			
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng thiên tai, tỉnh Điện Biên	981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022	1.480.000	340.720	512.676					512.676			Kế hoạch vốn trung hạn ODA giao tại QĐ 1190/QĐ-UBND ngày 28/7/2023
(10.12)	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật		54.790	44.800	35.600	35.600		5.000	5.000	35.600			
1	Kê báo về khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ Năm Pò	'859/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	39.800	39.800	35.600	35.600			5.000	30.600			
2	Khu dân cư cụm III trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	410/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	14.990	5.000				5.000		5.000			
(11)	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn (do chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư)				500	500			500				

14
16
Biểu số 3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH MÔTQ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 đã giao		Điều chỉnh NSTW		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó NSTW	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW						Tổng số	Thanh toán các khoản ứng trước XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		214.958	187.090	201.026	158.158	42.868	42.868	201.026	158.158	-	-	
	' Dự án đã có trong danh mục vốn NSDP		90.658	90.658	77.759	34.891	42.868	-	77.759	77.759			
1	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Pá Khoang xã Pá Khoang	Quyết định số 3390/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.600	9.600	9.520	5.733	3.787		9.520	9.520			Điều chỉnh giảm 3.787 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
2	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Pá Khoang	Quyết định số 3389/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	14.900	14.900	8.868	4.000	4.868		8.868	8.868			Điều chỉnh giảm 4.868 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
3	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS xã Nà Tấu	Quyết định số 3206/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	14.900	14.900	8.783	5.158	3.625		8.783	8.783			Điều chỉnh giảm 3.625 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
4	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Nà Nhan xã Nà Nhan	Quyết định số 3204/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	11.000	11.000	10.706	4.000	6.706		10.706	10.706			Điều chỉnh giảm 6.706 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
5	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học số 2 Nà Nhan xã Nà Nhan	Quyết định số 3391/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.000	9.000	8.735	4.000	4.735		8.735	8.735			Điều chỉnh giảm 4.735 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
6	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Tà Càng xã Nà Tấu	Quyết định số 3203/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	10.600	10.600	10.582	4.000	6.582		10.582	10.582			Điều chỉnh giảm 6.582 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
7	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng	Quyết định số 3207/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	8.658	8.658	8.642	4.000	4.642		8.642	8.642			Điều chỉnh giảm 4.642 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
8	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Mường Phăng xã Mường Phăng	Quyết định số 3205/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	12.000	12.000	11.923	4.000	7.923		11.923	11.923			Điều chỉnh giảm 7.923 NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
	Dự án bổ sung vào danh mục lồng ghép vốn NSDP		124.300	96.432	123.267	123.267	0	42.868	123.267	80.399			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	Quyết định số 1678/ QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	53.132	80.000	80.000	26.868		80.000	53.132			Điều chỉnh tăng 26.868 triệu NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chà.	Quyết định số 1650/ QĐ-UBND ngày 08/9/2021	19.300	18.300	18.267	18.267	1.000		18.267	17.267			Điều chỉnh tăng 1.000 triệu NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025
3	Trường PTDT bán trú tiểu học số 1 xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	25.000	25.000	25.000	25.000	15.000		25.000	10.000			Điều chỉnh tăng 15.000 triệu NSDP tại biểu điều chỉnh NSDP 2021-2025

RÀ SOÁT PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số /UNQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
	TỔNG SỐ		7.277.230	3.484.910	1.299.619	488.289		557.985	42,93%	40.797	40.797	1.299.619						
A	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		2.132.500	1.189.545	500.000	448.612		58.117	11,62%			500.000				Bổ trí cho các dự án khi có nguồn thu thực tế		
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pù Tầu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021	550.000	30.883	20.000	20.000						20.000				Đã điều chỉnh nhiệm vụ trả ứng sang vốn NSTW tại Quyết định 1652/QĐ-UBND ngày 06/10/2023		
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	855.000	366.000	366.000		58.117	15,88%			366.000				Ứng trước NSDP: 446.000trđ. Dự kiến hoàn ứng từ tiền EXGD năm 2022: 80.000trđ. Con lại phải hoàn ứng 366.000trđ		
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017; 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	188.162	56.388	15.000						56.388				Trả ứng Quỹ phát triển đất		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
4	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quận khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	89.000	47.612	47.612						47.612			Ứng năm 2022: 104.412trđ. Bổ trí hoàn ứng bằng NSDP cấp tỉnh 56.800trđ. Còn lại hoàn ứng bằng tiền ĐGD 47.612trđ		
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2774/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	13.000	13.000	5.000	5.000						5.000					
6	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Năm Pô, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2773/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	13.500	13.500	5.000	5.000						5.000					
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, số số kiến thiết)		4.915.020	2.091.476	764.619	39.677		485.357	63,48%	40.797	40.797	764.619					
I	Dự phòng (10%)		224.000	224.000	69.632	2.000		27.416	0	10.000	15.000	64.632					
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm chính trị, hành chính tỉnh Điện Biên	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	69.632	2.000		27.416	39,37%		15.000	54.632			Giảm theo đề nghị của TP ĐBP		
2	Sửa chữa Sân vận động tỉnh Điện Biên	1067/QĐ-UBND 07/7/2023	14.000	14.000						10.000		10.000			Bổ sung danh mục đẩy nhanh tiến độ thực hiện phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng ĐBP		
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý				188.006			138.945	73,90%			188.006					
1	Thành phố Điện Biên Phủ				19.935			16.141	80,97%			19.935					
2	Huyện Điện Biên				24.259			9.948	41,01%			24.259					
3	Huyện Tuần Giáo				23.368			21.451	91,80%			23.368					
4	Huyện Điện Biên Đông				20.451			15.318	74,90%			20.451					
5	Huyện Mường Ảng				15.383			10.933	71,07%			15.383					
6	Huyện Mường Nhé				19.976			11.870	59,42%			19.976					
7	Huyện Mường Chà				19.220			19.142	99,59%			19.220					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16				
8	Huyện Tủa Chùa				17.503			13.799	78,84%			17.503							
9	Huyện Năm Pồ				21.523			13.983	64,97%			21.523							
10	Thị xã Mường Lay				6.389			6.358	99,53%			6.389							
III	NSDP cấp tỉnh quản lý				506.981	37.677		318.996	62,92%	30.797	25.797	511.981							
III.1	Vay mới, trả phí vay, lãi vay		4.691.020	1.867.476	81.500							81.500							
1	Trả lãi vay				3.600							3.600							
2	Vay để trả nợ gốc (vay lại)				9.600							9.600							
3	Vay để bù đắp bội chi (bội chi NSDP)				68.300							68.300							
III.2	Đối ứng các dự án ODA		1.359.665	195.433	37.000			19.120	51,67%		7.500	29.500							
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014, 660/QĐ-UBND 08/8/2018, 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	33.000			18.894	57,25%		4.000	29.000				Giảm theo nguyên tắc; dự án ODA chưa được phê duyệt			
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	4.000			226	5,64%		3.500	500				Giảm theo đề nghị của Sở Y tế			
III.3	Các dự án trọng điểm		1.300.000	320.000	8.268			745	9,01%		3.308	4.960							
(I)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1.300.000	320.000	8.268			745	9,01%		3.308	4.960							
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế đồng lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	8.268			745	9,01%		3.308	4.960				Dự án vướng mắc GPMB			
III.4	Phân theo ngành/lĩnh vực		2.031.355	1.352.043	380.213	37.677		299.131	78,67%	30.797	14.989	396.021							
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng		229.100	140.100	57.327	37.677		51.194	89,30%	1.000		58.327							
(I)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		31.600	31.600	7.650			5.787	75,64%			7.650							
1	Kê chống sạt doanh trại DBB/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	1117/QĐ-UBND 29/10/2020	14.600	14.600	1.100			348	31,63%			1.100							

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	Sửa chữa nhà khách, nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	550			234	42,50%			550				
3	Trần địa phòng không và các hạng mục bổ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên	642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	3.200			2.763	86,34%			3.200				
4	Kho tàng chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	2.800			2.442	87,22%			2.800				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		181.000	92.000	47.677	37.677		44.412	93,15%			47.677				
1	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	10.000			6.735	67,35%			10.000				
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	57.000	37.677	37.677		37.677	100,00%			37.677			Đã bố trí đủ cơ cấu vốn cần đối NSDP	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		16.500	16.500	2.000			995	0	1.000		3.000				
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	2.000			995	49,76%			2.000				
2	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	1499/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	10.500	10.500						1.000		1.000			Dự án cấp thiết khởi công mới	
2	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		25.000	25.000	15.400			5.669	36,81%		1.400	14.000				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		7.000	7.000	2.400						1.400	1.000				
1	Nhà làm việc cấu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh	2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	2.400						1.400	1.000			Giảm theo đề nghị của Công an tỉnh tại Văn bản số 3597/CAT-PH10 ngày 30/10/2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD-CB (nếu có)						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD-CB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	13.000			5.669	43,61%			13.000			
1	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2772/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	14.000	14.000	10.000			4.703	47,03%			10.000			
2	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2771/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	4.000	4.000	3.000			966	32,21%			3.000			
3	Ngành/linh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		408.900	332.392	71.700			65.267	91,03%	8.300	312	79.688			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		277.100	202.992	41.800			38.774	92,76%	490	312	41.978			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012, 1102/QĐ-UBND 01/9/2016, 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	6.500			5.219	80,28%			6.500			Dự án hoàn thành đang nghiệm thu thanh toán
2	Trường phổ thông DINT THPT huyện Nậm Pồ	1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	8.000			7.892	98,65%	490		8.490			Bổ sung thanh toán KLHT
3	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	7.000			7.000	100,00%			7.000			Vốn trung hạn còn lại 312 triệu
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	4.000			4.000	100,00%			4.000			Vốn trung hạn còn lại 400 triệu
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nổ, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	4.500			4.356	96,81%			4.500			
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	4.000			3.897	97,43%			4.000			
7	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sín xã Leng Su Sín	1515/QĐ-UBND 31/12/2020, 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	1.500			1.137	75,77%		312	1.188			Giảm do hết nhiệm vụ chi
8	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	3.300			2.400	72,74%			3.300			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD-CB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD-CB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
9	Trường Trung học cơ sở huyện Năm Pồ	1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	3.000			2.873	95,75%			3.000				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		42.400	42.400	17.900			17.671	98,72%			17.900				
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	3.000			3.000	100,00%			3.000			Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 700 triệu	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	5.500			5.463	99,33%			5.500			Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 600 triệu	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTĐTNT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	3.000			2.807	93,58%			3.000				
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ	3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	6.400			6.400	100,00%			6.400			Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 6.100 triệu	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		89.400	87.000	12.000			8.823	73,52%	7.810		19.810				
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	2.000			1.990	99,49%	4.310		6.310			Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thi công	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTĐTNT THPT huyện Điện Biên Đông	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	2.000			1.881	94,04%	3.500		5.500			Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thi công	
3	Xây dựng trường PTĐT ban trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	5.000			3.350	67,00%			5.000			Chứng từ thanh toán 27/10/2023 đã thanh toán 3.350 trđ	
4	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1)	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	3.000			1.602	53,40%			3.000			Điều chỉnh đảm bảo kế hoạch cao hơn số đã giải ngân theo ý kiến đại biểu HĐND tỉnh	
4	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ		17.000	17.000	9.400			7.093	75,46%		1.101	8.299				

27

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		10.000	10.000	5.400			5.359	99,25%			5.400					
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	5.400			5.359	99,25%			5.400				Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 400 triệu	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	4.000			1.734	43,34%		1.101	2.899					
1	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2175/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	4.000			1.734	43,34%		1.101	2.899				Giảm theo nguyên tắc	
5	Ngành/linh vực: Y tế, dân số và gia đình		64.850	64.850	18.625			18.024	96,78%	1.594	328	19.891					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.850	26.850	9.000			8.672	96,35%		328	8.672					
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	4.000			3.672	91,80%		328	3.672				Giảm trừ nhu cầu vốn theo kết luận thanh tra, kiểm toán	
2	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	2.500			2.500	100,00%			2.500				Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 300 triệu	
3	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	2.500			2.500	100,00%			2.500				Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 300 triệu	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	5.300			5.269	99,41%			5.300					
1	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	5.300			5.269	99,41%			5.300				Kế hoạch vốn trung hạn còn lại 500 triệu	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		28.000	28.000	4.325			4.083	94,42%	1.594		5.919					
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	4.325			4.083	94,42%	1.594		5.919				Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện	
6	Ngành/linh vực: Văn hóa, thông tin		20.000	20.000	10.000			7.034	70,34%			10.000					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		20.000	20.000	20.000	10.000			7.034	70,34%			10.000				
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; di dời tích phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	880/QĐ-UBND 10/5/2022	20.000	20.000	10.000			7.034	70,34%				10.000				
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tin		18.500	11.600	279			99	35,44%	500			779				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		18.500	11.600	279			99	0	500			779				
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động; Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	279			99	35,44%				279			Đã hoàn thành	
2	Duy tu sửa chữa tháp anten truyền hình cao 125m	1410/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	1.600	1.600						500			500			Dự án mới hoàn thiện từ tục đầu tư cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện phục vụ kỷ niệm 70 năm chiến thắng ĐBP	
8	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao		30.000	15.000	2.000			1.248	62,39%				2.000				
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		30.000	15.000	2.000			1.248	62,39%				2.000				
1	Sân vận động huyện Điện Biên	1863/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	30.000	15.000	2.000			1.248	62,39%				2.000				
9	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường																
10	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		1.046.120	621.351	146.558			109.683	74,84%	17.903	11.848		152.613				
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		542.500	319.391	23.971			16.990	70,88%	1.503	1.800		23.674				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		47.184	8.975	4.471			3.666	82,00%				4.471				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét ĐBKK các bản Suối Lư I,II,III đến định cư tại khu vực bãi Huổi Pô, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	151/QĐ-UBND 14/2/2015; 914/QĐ-UBND 10/9/2020	47.184	8.975	4.471			3.666	82,00%			4.471					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		122.500	110.500	11.500			7.353	63,94%	1.503		13.003					
1	Thủy lợi Năm Pô xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	2.500			2.500	100,00%	1.503		4.003				Bổ sung thành toán KLHT; Kế hoạch trung hạn còn lại sau điều chỉnh 1.500 triệu đồng	
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	9.000			4.853	53,92%			9.000				Dự án hoàn thành năm 2023; giữ nguyên kế hoạch vốn đầu năm theo cam kết của chủ đầu tư và rà soát của Sở Tài chính (để chuyển chứng từ thanh toán đến kho bạc để thanh toán)	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		372.816	199.916	8.000			5.971	74,64%		1.800	6.200					
1	Công trình thủy lợi Năm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	2.000						1.800	200				Đang thực hiện điều chỉnh dự án	
2	Kẻ chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Bung Lao, huyện Mường Ảng	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	2.000			2.000	100,00%			2.000					
3	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngâm - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	2.000			1.971	98,55%			2.000					
4	Kẻ chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	2.000			2.000	100,00%			2.000					
10.2	Công nghiệp																
10.3	Giao thông		184.500	110.700	28.153			22.522	80,00%	10.000	2.310	35.843					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.500	58.700	18.421			13.613	73,90%		2.310	16.111					

24

10

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Đường giao thông lên bán + nội bán điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	3.500			3.023	86,37%			3.500				
2	Đường giao thông lên bán + nội bán điểm ĐCĐC Hồ Năm Cẩn, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.300						2.310	990			Giảm theo nguyên tắc	
3	Đường Trung tâm xã Tênh Phông (Km1+967) - bán Thẩm Nặm, huyện Tuần Giáo	1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	2.500			2.148	85,90%			2.500				
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Tru Sở xã mới - Bán Chua Ta B, huyện ĐBĐ	1365/QĐ-UBND 30/7/2021	10.000	6.400	2.869			2.797	97,49%			2.869			Điều chỉnh KH 2023 đợt tháng 7/2023	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường Hàng Lía, Tia Đình, huyện ĐBĐ	1364/QĐ-UBND 30/7/2021	14.000	9.000	1.099			832	75,72%			1.099			Điều chỉnh KH 2023 đợt tháng 7/2023	
6	Quốc Lộ 279 (Trạm khí tượng) đi trung tâm Pù Tưu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	985/QĐ-UBND 31/5/2021	22.000	7.000	3.400			3.399	99,97%			3.400			Đã giải ngân theo chứng từ thanh toán ngày 26-27/10/2023	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	1.753			1.414	80,69%			1.753			Điều chỉnh KH 2023 đợt tháng 7/2023	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	5.732			5.732	100,00%			5.732				
1	NC SC đường nội thị, thăm BT nhựạ 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	5.732			5.732	100,00%			5.732			Điều chỉnh KH 2023 đợt tháng 7/2023	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		39.000	39.000	4.000			3.177	79,42%	10.000		14.000				
1	Cầu Nà Khoa, huyện Năm Pồ	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	4.000			3.177	79,42%	10.000		14.000			Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thi công	
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế															
10.5	Thương mại															
10.6	Cấp thoát nước		14.500	14.500	5.000			955	19,10%		4.044	956				

25

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.500	14.500	5.000			955	19,10%		4.044	956					
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	5.000			955	19,10%		4.044	956				Dự án vướng mắc GPMB	
10.7	Kho tàng																
10.8	Du lịch		13.000	13.000	5.000			4.849	96,98%			5.000					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	5.000			4.849	96,98%			5.000					
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	5.000			4.849	96,98%			5.000					
10.9	Bưu chính, viễn thông																
10.10	Công nghệ thông tin		39.460	39.460	17.500			3.516	20,09%		3.694	13.806					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		22.460	22.460	12.500			3.516	28,13%		194	12.306					
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	12.500			3.516	28,13%		194	12.306				Dự kiến hoàn thành trong năm 2023, giảm KH hết nhiệm vụ chỉ 194 triệu đồng	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		17.000	17.000	5.000						3.500	1.500					
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	5.000						3.500	1.500				Chưa xong thủ tục đấu thầu, giám theo nguyên tắc điều chỉnh	
10.11	Quy hoạch		460	460						400		400					
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tả, huyện Mường Ảng	2789/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	460,4	460,4						400		400				Dự án mới hoàn thiện thủ tục cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị		251.700	123.840	66.934			60.852	90,91%	6.000		72.934					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		139.000	49.000	39.734			36.618	92,16%			39.734					
1	San ủi mặt bằng, đường nội thị trung tâm huyện lỵ Năm Pô	1077/QĐ-UBND 29/10/2019; 1725/QĐ-UBND 23/9/2021; 730/QĐ-UBND 28/4/2022	139.000	49.000	39.734			36.618	92,16%			39.734					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		25.000	10.000	4.000			4.000	100,00%			4.000					
1	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	3140/QĐ-UBND 30/11/2021	25.000	10.000	4.000			4.000	100,00%			4.000				Kế hoạch vốn NSDP 2021-2025 còn lại 1.000 triệu đồng; không đề nghị điều chỉnh vốn 2023	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		72.800	54.840	21.200			19.234	90,73%	6.000		27.200					
1	Kê bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	10.000			10.000	100,00%	5.000		15.000				Dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong mùa khô, kế hoạch vốn còn lại sau điều chỉnh phải bổ trợ trong năm 2024 là 11.640 triệu đồng	
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn I)	3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	4.000			4.000	100,00%	1.000		5.000				Sau điều chỉnh vốn giai đoạn 2021-2025 còn lại 1 tỷ đồng	
3	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn I)	3142/QĐ-UBND 30/11/2021	13.000	13.000	7.200			5.234	72,69%			7.200				Giữ nguyên kế hoạch vốn đầu năm theo ý kiến đại biểu HĐND tỉnh, giải ngân thêm 30/10/2023 : 1.862trđ	
(4)	Công trình khởi công mới năm 2023		14.900	10.000	2.000			1.000	50,00%			2.000					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn áng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn áng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	2204/QĐ-UBND 02/12/2022	14.900	10.000	2.000			1.000	50,00%			2.000			
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX														
11	Ngành/linh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		162.385	95.250	44.924			29.820	66,38%	1.500		46.424			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		92.435	60.300	33.924			21.758	64,14%			33.924			
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	2.200			1.990	90,46%			2.200			Kế hoạch trung hạn còn lại 300 triệu đồng
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	200			140	70,00%			200			
3	Trụ sở xã Nậm Chùa, huyện Nậm Pồ	1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	324			238	73,46%			324			
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên	3072/QĐ-UBND 29/11/2021	8.000	8.000	2.700			2.010	74,45%			2.700			
5	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	16.500			8.193	49,66%			16.500			Điều chỉnh tăng 10 tỷ tháng 7/2023
6	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	8.000			5.952	74,40%			8.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	1656/QĐ-UBND 9/9/2021	14.990	5.000	4.000			3.235	80,88%			4.000			Đã giải ngân 3.235trđ, chứng từ ngày 26/10/2023

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.950	14.950	8.000			7.702	96,27%	1.500		9.500				
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	8.000			7.702	96,27%	1.500		9.500			Bổ sung vốn thanh toán KLHT	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		55.000	20.000	3.000			360	11,99%			3.000				
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh tỉnh	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	3.000			360	11,99%			3.000			Dự án đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu	
12	Ngành/linh vực: Xã hội		9.500	9.500	4.000			4.000	100,00%			4.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		9.500	9.500	4.000			4.000	100,00%			4.000				
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	4.000			4.000	100,00%			4.000				
C	Vốn số kiến thiết		229.710	203.889	35.000			14.511	41,46%			35.000				
I	Ngành/linh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		160.810	134.989	15.052			5.856	38,91%			15.052				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.810	106.989	5.152			2.070	40,18%			5.152				
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	2.652							2.652				
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	2.500			2.070	82,80%			2.500				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	3.000			2.685	89,50%			3.000				
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quải Tả, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	3.000			2.685	89,50%			3.000				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	6.900			1.101	15,96%			6.900				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023				Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
								Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Sư phạm	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	4.500			950	21,10%			4.500				
2	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	2.400			152	6,32%			2.400				
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế		55.900	55.900	19.948			8.655	43,39%			19.948				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		11.500	11.500	3.500			1.936	55,30%			3.500				
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà	2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	1.500							1.500				
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	2090/QĐUBND 18/11/2021	6.500	6.500	2.000			1.936	96,78%			2.000				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		22.700	22.700	10.248			5.870	57,28%			10.248				
1	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pù Hông, Noong U huyện Điện Biên Đông	3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	2.500							2.500				
2	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pôn, Pôn Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ	3004/QĐUBND 19/11/2021	5.700	5.700	2.000			1.970	98,51%			2.000				
3	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế	2089/QĐUBND 19/11/2021	12.000	12.000	5.748			3.900	67,85%			5.748				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		21.700	21.700	6.200			849	13,69%			6.200				
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ	1884/QĐUBND 10/10/2022	1.500	1.500	1.200							1.200				
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cây, Ảng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	1921/QĐUBND 14/10/2022	7.600	7.600	2.000			349	17,45%			2.000				
3	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quai Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	2.000							2.000				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023		Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên	3003/QĐ/UBND 19/11/2021	5.000	5.000	1.000			500	50,00%			1.000			

31

Biểu số 5

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NĂM 2023 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trung đội: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
AA	TỔNG SỐ		508.941	464.218	167.390			59.435	35,51	56.623	56.623	167.390				
B1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH															
B1.2	SỞ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		102.400	73.832	60.048			20.853	34,73	500	26.000	34.548				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		100.000	71.432	60.048			20.853	34,73	0	26.000	34.048				
IV.2	Đầu tư Trường PTDTNT		100.000	71.432	60.048			20.853	34,73	0	26.000	34.048				
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		100.000	71.432	60.048			20.853	34,73	-	26.000	34.048				
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	Quyết định số 1678/ QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	53.132	50.000			16.000	32,00	-	25.000	25.000				
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chà.	Quyết định số 1650/ QĐ-UBND ngày 08/9/2021	20.000	18.300	10.048			4.853	48,29	-	1.000	9.048				
B1.3	BAN DÂN TỘC TỈNH		2.400	2.400	-			-	#DIV/0!	500	-	500				
a)	Danh mục bổ sung khởi công mới 2023									-	-					
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Púng Bon, xã Pa Thon, huyện Điện Biên	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	2.400	2.400						500	-	500				
B2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		406.541	390.386	107.342			38.582	35,94	56.123	30.623	132.842				
B2.1	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		90.658	90.658	1.733			-	-	39.807	-	41.540				

[illegible]

2	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ xã Ma Thi Hồ (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	8.500	8.500	4.000				2278	56,94	-	300	3.700		
3	Nâng cấp, sửa chữa trường PTDTBT THCS Hưà Ngải, xã Hưà Ngải (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	9.500	9.500	5.000				2454	49,08	-	200	4.800		
b)	Các dự án khởi công mới năm 2023		73.016	73.016	26.200	-	-	-	6.971	26,61	8.200	8.049	26.351		
1	Thủy lợi và NSH bản Pù Chá, xã Mường Mươn	Số 5041/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	11.000	11.000	10.500				2943	28,03	-	2.849	7.651		
2	Thủy lợi bản Huổi Nhà, xã Mường Mươn	Số 5046/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	5.700				2804	49,19	-	700	5.000		
3	Đường vào điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bản Huổi Tồng 1, 2 xã Huổi Lèng	Số 5043/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.800	6.800	6.500				1224	18,83	-	3.000	3.500		
4	Nước sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bản Huổi Tồng 1, 2 xã Huổi Lèng	Số 5048/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.300	6.300	3.500					-	-	1.500	2.000		
*	Các dự án bổ sung khởi công mới năm 2023										-	-			
1	Nâng cấp thủy lợi Sa Lông 1, xã Sa Lông	5839; 19/10/2023	4.000	4.000							800	-	800		
2	Thủy lợi Chi Vàng Cua Chiề, bản Sa Lông 2, xã Sa Lông	5828; 19/10/2023	5.000	5.000							800	-	800		
3	Thủy lợi Tồng Sóng, bản Làng Dung, xã Ma Thi Hồ	5840; 19/10/2023	6.000	6.000							900	-	900		
4	Thủy lợi cụm 1, cụm 2, bản Huổi Lóng, xã Na Sang	5841; 19/10/2023	10.945	10.945							2.000	-	2.000		
5	Thủy lợi Đê Nụ Trung, bản Huổi Tồng, xã Huổi Lèng	5836; 19/10/2023	5.500	5.500							800	-	800		
6	Thủy lợi Đê Chờ Chùa, bản Phua Di Tồng, xã Hưà Ngải	5829; 19/10/2023	3.000	3.000							800	-	800		
7	Thủy lợi Chung Po Châu, bản San Súi, xã Hưà Ngải	5830; 19/10/2023	1.500	1.500							600	-	600		
8	Đường từ QL6 (bản Hát Tre, xã Hưà Ngải) - Nhóm Tia Chờ, bản Xã Phình 1, xã Sa Tồng	5832; 19/10/2023	4.933	4.933							800	-	800		
9	Đường giao thông nội bản Tổ dân phố 10, thị trấn Mường Chà	5833; 19/10/2023	2.038	2.038							700	-	700		

IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		1.375	1.375	0	0	0	0	0	700	0	700				
	Nhà Văn hóa bản Huổi Bon, xã Pa Ham	5835; 19/10/2023	1.375	1.375						700	-	700				
B2.8	HUYỆN TUA CHƯA		114.478	114.478	39.583				21.546	1.346	696	40.233				
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.600	2.600	2.600				2.329	89,57	-	101	2.499			-
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		2.600	2.600	2.600				2.329	89,57	-	101	2.499			-
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		2.600	2.600	2.600				2.329	89,57	-	101	2.499			-
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xã Phình, huyện Tủa Chùa	Số 2939/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.600				2.329	89,57	-	101	2.499			-
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		20.022	20.022	-				-	650	-	650				
*	Danh mục bổ sung khởi công mới 2023									-	-					
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sô, xã Huổi Sô huyện Tủa Chùa	1458 ngày 11/9/2023	20.022	20.022						650	-	650				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		65.803	65.803	24.930				8.645	34,68	696	374	25.252			0
III.1	Đầu tư CSHT		28.213	28.213	4.835				0	-	696	0	5.531			0
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		28.213	28.213	4.835				0	-	696	0	5.531			0
1	Đường Nhù Pông Chùa đi thôn 3 xã Sinh Phình	2945 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	2.500					-	496	-	2.996			
3	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Tháo A Lữ đến nhà ông Giảng A Hạng, xã Tả Phìn	2947 ngày 06/12/2022	4.335	4.335	2.335					-	200	-	2.535			
III.2	Củng cố đường giao thông đến trung tâm xã		34.990	34.990	17.495				6.374	36,44	0	239	17.256			0
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		34.990	34.990	17.495				6.374	36,44	-	239	17.256			-
1	Đường Trung tâm xã Mường Đun- bản Hột	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	14.990	14.990	7.495				1481	19,75	-	59	7.436			
2	Tuyến đường từ Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xã Phình - Tả Sin Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bản Phô- Càng Phình), huyện Tủa Chùa	Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	20.000	20.000	10.000				4894	48,94	-	180	9.820			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN		2.600	2.600	2.600				2.271	87,35	-	135	2.465			-
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		2.600	2.600	2.600				2.271	87,35	-	135	2.465			-
1	Chợ Huổi Lóng xã Huổi Sô	Số 2949/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.600				2.271	87,35	-	135	2.465			-
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		26.053	26.053	12.053				10.571	87,71	0	221	11.832			0
a)	Dự án hoàn thành năm 2023		26.053	26.053	12.053				10.571	87,71	-	221	11.832			-

I	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	12.853	12.853	5.853					5.168	88,30	-	114	5.739		
I	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sinh Phình	Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.200	13.200	6.200					5.403	87,14	-	107	6.093		
B2.10	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		2.504	2.504	-	-	-	-	-	-	-	670	-	670		#REF!
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.504	2.504	-	-	-	-	-	-	-	670	-	670		
I	Hệ thống nước sinh hoạt bán Hồ Nậm Cán xã Lay Nưa	QĐ số 1024/QĐ-UBND 18/10/2023	2.504	2.504								670	-	670		

37

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NĂM 2023 CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (VỐN TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND tỉnh)

Biểu số 6A

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm 2023 đã giao				Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm			Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
AA	KẾ HOẠCH VỐN GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH 652/TTG		114.077	104.116	41.742			16.506	39,54	14.770	14.770	41.742				
A	Kế hoạch vốn giải đoạn 2022-2025		53.857	43.896	41.742			16.506	39,54	14.770	14.770	28.322				
A1	Kế hoạch vốn giao theo tiến chi xã		20.654	20.654	18.500	-	-	16.188	174	1.350	1.060	18.790				
I	Huyện Tủa Chùa		18.500	18.500	18.500	-	-	16.188	174	-	1.060	17.440				
1	Nâng cấp đường liên thôn từ Kê Còi - Từ Ngòi 2 - Từ Ngòi 1 - Hàng Trờ	Số 2955/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	14.000	14.000	14.000			12.318	87,98	-	736	13.264				
2	Nâng cấp đường liên thôn Đông phi - Hàng Tơ Mang xã Mường Báng	Số 2956/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	4.500	4.500	4.500			3.870	86,01	-	324	4.176				
II	Huyện Nậm Pồ		2.154	2.154	-			-	-	1.350	-	1.350				
a)	Danh mục bổ sung khởi công mới 2023							-	-	-	-	-				
1	Đường bê tông nội bản Pa Cò xã Chà Nưa	Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	2.154	2.154						1.350	-	1.350				
A.2.	Kế hoạch vốn giao theo tiến chi cấp huyện		33.203	23.242	23.242			318	1,37	-	13.710	9.532				
I	Giao thông		17.703	12.392	12.392			-	-	-	8.392	4.000				
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023									-	-	-				
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		17.703	12.392	12.392			-	-	-	8.392	4.000				
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chấn - Thanh Yên huyện Điện Biên	Số 2209/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	17.703	12.392	12.392			-	-	-	8.392	4.000				
II	Thủy lợi		15.500	10.850	10.850			318	2,93	-	5.318	5.532				
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		15.500	10.850	10.850			318	2,93	-	5.318	5.532				
1	Kiến cổ kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Het đến bản Na Vài, xã Pom Lát, huyện Điện Biên	Số 2210/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.500	10.850	10.850			318	2,93	-	5.318	5.532				
AB	KH VỐN BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH 147/QĐ-TTG		60.220	60.220	-		-	-	-	13.420	-	13.420				
I	Huyện Điện Biên Đông		25.000	25.000	-			-	-	7.000	-	7.000				
a)	Danh mục bổ sung khởi công mới năm 2023															
1	Nâng cấp đường liên bản Ten Luông – Thẩm Trầu xã Chiềng Sơ	QĐ số 1654/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	3.000	3.000						1.000	-	1.000				
2	Nâng cấp đường liên bản Bàn Mề – Hàng Tầu xã Chiềng Sơ	QĐ số 1655/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	4.000	4.000						1.000	-	1.000				
3	Đường Điện Bàn Hàng Pa xã Chiềng Sơ (51 hộ)	QĐ số 1623/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	4.500	4.500						1.000	-	1.000				
4	Đường Điện bản Hàng Tầu Chiềng Sơ (59 hộ)	QĐ số 1622/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	3.640	3.640						1.000	-	1.000				

Trên vị: Triệu đồng

34

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm 2023 đã giao			Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch năm 2023			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Đường Điện Bán Thảm Trâu xã Chiềng Sơ (40 hộ)	QĐ số 1618/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	5.350	5.350						1.000	-	1.000			
6	Đường Điện Bán Keo Đira xã Chiềng Sơ (53 hộ)	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	2.000	2.000						1.000	-	1.000			
7	Đường Điện Bán Nà Ly xã Chiềng Sơ (44 hộ)	QĐ số 1620/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	2.510	2.510						1.000	-	1.000			
II	Thị xã Mường Lay		3.860	3.860	-	-	-	-	-	1.860	-	1.860			
a)	Bổ sung khởi công mới năm 2023														
1	Đường giao thông nội bản Tào Sen xã Lay Nua, thị xã Mường Lay	QĐ số 186/ UBND ngày 19/10/2023	860	860						860	-	860			
2	Hệ thống nước sinh hoạt (nước sạch) các bản, xã Lay Nua	1026/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	3.000	3.000						1.000	-	1.000			
III	Huyện Mường Chà		21.600	21.600	-	-	-	-	-	2.000	-	2.000			
a)	Bổ sung khởi công mới năm 2023														
1	Nhà Văn hóa - thể thao xã Năm Nền	5442, 28/09/2023	3.000	3.000						400	-	400			
2	Nước sinh hoạt bản Phiang Đất A, xã Năm Nền	5441, 28/09/2023	2.400	2.400						300	-	300			
3	Nâng cấp đường bê tông từ đường QL6 vào bản Năm Nền 1,2, xã Năm Nền	5663, 09/10/2023	2.200	2.200						300	-	300			
4	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 150 - bản Năm Phiên, xã Mường Tùng	5755, 13/10/2023	14.000	14.000						1.000	-	1.000			
IV	Huyện Tủa Chùa		4.500	4.500	-	-	-	-	-	1.560	-	1.560			
a)	Bổ sung khởi công mới năm 2023									-	-	-			
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sung Ún, xã Mường Báng	2755/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	2.000	2.000						1.060	-	1.060			
2	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mường Báng	2901/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	2.500	2.500						500	-	500			
V	Thành phố Điện Biên Phủ		5.260	5.260	-	-	-	-	-	1.000	-	1.000			
a)	Bổ sung khởi công mới năm 2023														
1	Nâng cấp đường bê tông lên khu sân xuất pha I, bản Nà Nghè, xã Thanh Minh	1668 /QĐ-UBND ngày 19/10/2023	5.260	5.260						1.000	-	1.000			

39

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NĂM 2023 CHƯƠng TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (VỐN NƯỚC NGOÀI)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /1/2023 của HĐND tỉnh)

Biểu số 6B

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm 2023 đã giao			Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Bổ sung kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau bổ sung			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:				Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	13			14							
	Kế hoạch vốn được giao bổ sung theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ		164.482	156.930	-	-	-	-	-	79.934	-	79.934	-	-	
I	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên		164.482	156.930	-	-	-	-	-	79.934	-	79.934	-	-	
I.1	Phân bổ chi tiết cho các dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư		82.841	75.289	-	-	-	-	-	63.373	-	63.373	-	-	
1	TYT xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	1974/QĐ-UBND 01/11/2021	6.000	5.445						4.590		4.590			
2	TYT xã Noong Luông, huyện Điện Biên	1973/QĐ-UBND 01/11/2021	5.900	5.356						4.514		4.514			
3	TYT xã Mường Phăng, TP Điện Biên Phủ	3076/QĐ-UBND 29/11/2021	5.935	5.387						4.540		4.540			
4	TYT xã Na Son, huyện Điện Biên Đông	3075/QĐ-UBND 29/11/2021	6.210	5.636						4.751		4.751			
5	TYT xã Mường Luán, huyện Điện Biên Đông	2025/QĐ-UBND 29/11/2021	1.430	1.298						1.094		1.094			
6	TYT xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng	3202/QĐ-UBND 10/12/2021	2.763	2.509						2.114		2.114			
7	TYT xã Mường Thín, huyện Tuần Giáo	3303/QĐ-UBND 10/12/2021	6.150	5.588						4.705		4.705			
8	TYT xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	3329/QĐ-UBND 27/12/2021	6.315	5.730						4.831		4.831			
9	TYT xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng	86/QĐ-UBND 17/01/2022	2.750	2.499						2.104		2.104			
10	TYT xã Ảng Tù, huyện Mường Ảng	87/QĐ-UBND 17/01/2022	2.796	2.538						2.139		2.139			
11	TYT xã Quai Tù, huyện Tuần Giáo	106/QĐ-UBND 19/01/2022	6.427	5.834						4.917		4.917			
12	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Trung Thu, huyện TC	3345/QĐ-UBND 29/12/2021	2.200	1.998						1.683		1.683			
13	TYT xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	13/QĐ-UBND 05/01/2022	1.950	1.771						1.492		1.492			
14	TYT xã Sìn Chải, huyện Tủa Chùa	14/QĐ-UBND 05/01/2022	2.000	1.818						1.530		1.530			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm 2023 đã giao			Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Bổ sung kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau bổ sung			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tăng			Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn đang trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
15	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Năm Lịch, huyện MA	338/QĐ-UBND 15/02/2022	2.335	2.123						1.786		1.786				
16	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Ma Thi Hồ, huyện Mường Chà	1255/QĐ-UBND 18/7/2022	2.720	2.482						2.081		2.081				
17	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Sin Thầu, huyện Mường Nhé	2205/QĐ-UBND 02/12/2022	3.150	2.869						2.410		2.410				
18	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Năm Khán, huyện Năm Pồ	2216/QĐ-UBND 02/12/2022	2.270	2.069						1.737		1.737				
19	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Phìn Hồ, huyện Năm Pồ	2383/QĐ-UBND 30/12/2022	2.450	2.233						1.874		1.874				
20	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Pa Tân, huyện Năm Pồ	2384/QĐ-UBND 30/12/2022	2.650	2.417						2.027		2.027				
21	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Na Khoa, huyện Năm Pồ	2385/QĐ-UBND 30/12/2022	2.100	1.909						1.607		1.607				
22	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Hưm Ngai, huyện Mường Chà	2386/QĐ-UBND 30/12/2022	2.700	2.461						2.066		2.066				
23	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Thanh Nưa	191/QĐ-UBND 10/02/2023	2.320	2.117						1.775		1.775				
24	Sửa chữa, nâng cấp TYT xã Năm Kê	101/QĐ-UBND 18/01/2023	1.320	1.200						1.010		1.010				
II	Vốn chưa phân bổ		81.641	81.641						16.561		16.561			Phân bổ chi tiết sau khi các dự án có quyết định đầu tư	
1	TYT xã Huổi Lèng		5.908	5.908											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
2	TYT xã Năm Nền		5.908	5.908											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
3	TYT Chải Nưa		5.820	5.820											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
4	TYT Si Pa Phin		6.056	6.056											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
5	TYT Mường Mùn		6.144	6.144											Dự kiến phân bổ 1.561 tỷ đồng	
6	TYT Huổi Xô		5.820	5.820											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
7	TYT Nuan Ngam		5.679	5.679											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
8	TYT Thanh Luông		5.792	5.792											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
9	TYT Noọng Hệt		5.556	5.556											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
10	TYT Tênh Phông		5.556	5.556											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
11	TYT Na Ủ		5.556	5.556											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
12	TYT Thanh Hưng		5.748	5.748											Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	

41

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm 2023 đã giao				Giải ngân đến 30/9/2023	Tỷ lệ giải ngân	Bổ sung kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau bổ sung			Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
13	TYT Phu Luông		5.556	5.556												Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng	
14	TYT Tòa Tỉnh		2.017	2.017													Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng
15	TYT Pa Thom		1.805	1.805													Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng
16	TYT Mường Bàng		2.719	2.719													Dự kiến phân bổ 1 tỷ đồng